

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TÂY SƠN
TỈNH BÌNH ĐỊNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 31/2021/HS-ST

Ngày: 23-6-2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂY SƠN, TỈNH BÌNH ĐỊNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Phương Thảo.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Tuyết Dung.

Ông Ngô Văn Nghị.

- Thư ký phiên tòa: Ông Phan Thành Trọng - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tây Sơn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tây Sơn, tỉnh Bình Định tham gia phiên tòa: Ông Trần Bình Phương - Kiểm sát viên.

Trong ngày 23 tháng 6 năm 2021 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tây Sơn, tỉnh Bình Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 30/2021/TLST-HS ngày 07 tháng 5 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 60/2021/QĐXXST-HS ngày 08 tháng 6 năm 2021 và Thông báo dời phiên tòa số 01/TB-DNXX ngày 15/6/2021 đối với các bị cáo:

1- Nguyễn Bá L, sinh năm 1962; nơi cư trú: thôn, xã, huyện T, tỉnh B; nghề nghiệp: làm nông; trình độ văn hoá: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn K (đã chết) và bà Phùng Thị H, sinh năm 1930; vợ: Lý Thị D, sinh năm 1967; con: 04 người, lớn sinh năm 1986, nhỏ sinh năm 1992; tiền án, tiền sự: Không; Nhân thân: tốt; Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú cho đến nay; bị cáo có mặt tại phiên tòa.

2- Nguyễn Thanh T, sinh năm 1968; nơi cư trú: thôn 3, xã B, huyện T, tỉnh B; nghề nghiệp: làm nông; trình độ văn hoá: 3/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Danh T (đã chết) và bà Lê Thị S (đã chết); vợ: Nguyễn Thị D, sinh năm 1969; con: 02 người, lớn sinh năm 1993, nhỏ sinh năm 1996; tiền án, tiền sự: Không; Nhân thân: tốt; Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú cho đến nay; bị cáo có mặt tại phiên tòa.

3- Võ Đình D, sinh năm 1963; nơi cư trú: thôn 3, xã B, huyện T, tỉnh B; nghề nghiệp: làm nông; trình độ văn hoá: 8/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Võ C (đã chết) và bà Đặng Thị M (đã chết); vợ: Nguyễn Thị H, sinh năm 1965; con: 04 người, lớn sinh năm 1986, nhỏ sinh năm 1991; tiền án, tiền sự: Không; Nhân thân: tốt; Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú cho đến nay; bị cáo có mặt tại phiên tòa.

- *Bị hại:*

Vợ chồng Nguyễn Văn T, sinh năm 1955 (đã chết) và Võ Thị L, sinh năm 1955;

Trú tại: thôn 4, xã B, huyện T, tỉnh B.

- *Người đại diện hợp pháp của bị hại:*

Nguyễn Thành B, sinh năm 1988 (có mặt);

Trú tại: thôn 2, xã B, huyện T, tỉnh B.

Là người đại diện theo ủy quyền của Nguyễn Thị H, Võ Thị L, Nguyễn Thành S, Nguyễn Thành C (Văn bản ủy quyền ngày 01 tháng 6 năm 2021).

- *Người làm chứng:*

+ Đặng Xuân L, sinh năm 1991 (có mặt);

Trú tại: thôn 1, xã B, huyện T, tỉnh B.

+ Hồ Văn N, sinh năm 1963 (có đơn vắng mặt);

Trú tại: thôn 3, xã B, huyện T, tỉnh B.

+ Phạm Thị Y, sinh năm 1946 (vắng mặt);

+ Trần Văn T, sinh năm 1954 (có đơn vắng mặt);

+ Đinh Xuân T, sinh năm 1969 (có mặt);

Đồng trú tại: thôn T, xã B, huyện T, tỉnh B.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng năm 1977 đến 1979 gia đình Nguyễn Bá L – sn 1962 ở thôn T – xã B – huyện T, Nguyễn Thanh T – sn 1968 và Võ Đình D – sn 1963 cùng ở Thôn 3 – xã B – huyện T có tiến hành khai hoang và canh tác ở khu vực đất có tục danh Hóc Lác thuộc thôn 4 – xã B – huyện T (không được nhà nước cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất). Đến năm 1996, chính quyền địa phương thu hồi đất để cấp cho các hộ di dân khu kinh tế mới. Năm 2001, UBND huyện T cấp cho vợ chồng ông Nguyễn Văn T và bà Võ Thị L 74.200 m² đất ở khu vực Hóc Lác, gia đình ông T, bà L canh tác liên tục trên diện tích đất được cấp. Năm 2014, Nguyễn Bá L, Nguyễn Thanh T, Võ Đình D và một số hộ dân xã B khiếu nại yêu cầu giải quyết việc tranh chấp đất đai về việc đòi lại đất rẫy cũ, trong đó có diện tích đất được cấp cho vợ chồng ông T, bà L.

Ngày 10/4/2015, UBND huyện T đã tiến hành đối thoại với công dân xã B. Ngày 17/4/2015, UBND huyện T ban hành Thông báo kết luận số 235/TB-UBND trả lời khiếu nại của các hộ dân xã B. Ngày 29/01/2016, UBND tỉnh B thành lập Đoàn thanh tra đối với vụ việc liên quan đến khiếu nại, tố cáo của các hộ dân xã B. Đến ngày 06/4/2016, UBND tỉnh B ban hành kết luận thanh tra số 01/KL-UBND kết luận: “Việc các hộ dân xã B khiếu nại yêu cầu nhà nước thu hồi diện tích đất các hộ bị tố cáo trả lại cho các hộ có rẫy cũ sử dụng là không có cơ sở xem xét, giải quyết; Việc các hộ dân xã B khiếu nại đòi bồi thường công khai hoang là không có căn cứ giải quyết”, đồng thời thu hồi của ông Nguyễn Văn T diện tích 5,29ha (theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH 00733) do lấn chiếm quỹ đất thôn 4 thuộc dự án 773 do UBND xã B quản lý.

Không đồng ý với cách giải quyết nêu trên nên khoảng 06h ngày 31/8/2017, Nguyễn Bá L, Nguyễn Thanh T và Võ Đình D rủ nhau đến khu vực đất lâm nghiệp có tục danh Hóc Lác thuộc Thôn 4 – xã B – huyện Tây Sơn do gia đình ông Nguyễn Văn T đang quản lý, sử dụng trồng bạch đàn tái sinh lần 3, sử dụng mỗi người một cái rựa tương tự nhau, có đặc điểm: cán bằng tre dài khoảng 0,5m, đường kính khoảng 04cm, lưỡi bằng kim loại dài khoảng 0,3 m, bản rộng khoảng 04 cm phát đứt các chồi bạch đàn tái sinh có chiều cao từ khoảng 0,5m đến 02m, mỗi góc có từ 03 đến 05 chồi tái sinh. Đến khoảng 08h ngày 31/8/2017, anh Nguyễn Thành B – sn 1988 ở Thôn 2 – xã B – huyện T là con trai ông T đi thăm rẫy bạch đàn phát hiện can ngăn nhưng không được nên gọi điện báo cho Công an xã B. Lúc này, có Tổ công tác của Ủy ban nhân dân xã B do ông Lê Văn L – Phó chủ tịch UBND xã làm Tổ trưởng đang kiểm tra diện tích đất dự phòng tại khu vực này, nhận được tin báo, Tổ công tác đến hiện trường lập biên bản và yêu cầu chấm dứt hành vi vi phạm nhưng Nguyễn Bá L, Nguyễn Thanh T và Võ Đình D không chấp hành và không ký vào biên bản. Sau đó, Nguyễn Bá L, Nguyễn Thanh T và Võ Đình D dùng bật lửa đốt các chồi bạch đàn đã chặt. Ngày 06/9/2017, Cơ quan CSĐT Công an huyện T thành lập Hội đồng khám nghiệm đến hiện trường vụ án đo đạc, xác định vùng diện tích có chồi bạch đàn bị hủy hoại là 6.951 m², có 692 gốc cây bạch đàn tái sinh có chiều cao từ khoảng 0,5m đến 02m, mỗi góc có từ 03 đến 05 chồi tái sinh bị chặt đứt, cháy héo.

Tại Kết luận định giá tài sản ngày 22/9/2017 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện T kết luận: 692 gốc cây bạch đàn tái sinh có chồi cao dưới 02m, mỗi góc có trên 03 chồi tại thời điểm bị hủy hoại có giá 7.215.000đ.

Vật chứng của vụ án: Các bị cáo đã sử dụng rựa có đặc điểm: cán bằng tre dài khoảng 0,5m, đường kính khoảng 04cm, lưỡi bằng kim loại dài khoảng 0,3m, bản rộng khoảng 04 cm để chặt phá chồi bạch đàn. Sau khi sử dụng các bị cáo đã làm thất lạc mất nên Cơ quan CSĐT không thu giữ được.

Tại Bản cáo trạng số 14/CT – VKSTS ngày 04/5/2021, Viện kiểm sát nhân dân huyện T đã truy tố các bị cáo Nguyễn Bá L, Nguyễn Thanh T và Võ Đình D về tội “*Hủy hoại tài sản*” theo Khoản 1 Điều 178 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa: Các bị cáo đã khai nhận hành vi phạm tội nêu trên. Các bị cáo còn khai mức thu nhập bình quân hàng tháng như sau: Bị cáo Nguyễn Bá L 6.000.000đồng/tháng; bị cáo Nguyễn Thanh T 4.000.000 đồng/tháng; bị cáo Võ Đình D 2.000.000 đồng/tháng.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T giữ nguyên quan điểm như cáo trạng đã truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố các bị cáo Nguyễn Bá L, Nguyễn Thanh T và Võ Đình D phạm tội “*Hủy hoại tài sản*”.

- Về vai trò của từng bị cáo: Bị cáo Nguyễn Bá L là người khởi xướng, rủ các bị cáo Nguyễn Thanh T và Võ Đình D cùng tham gia chặt, đốt cây bạch đàn tái sinh của gia đình ông Nguyễn Văn T nên bị cáo phải chịu hình phạt cao hơn các bị cáo T và D.

- Về hình phạt: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Khoản 1 Điều 178; điểm b, i, s Khoản 1, Khoản 2 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật hình sự; xử phạt bị cáo Nguyễn Bá L mức án từ 09 đến 12 tháng tù.

Áp dụng Khoản 1 Điều 178; điểm b, i, s Khoản 1, Khoản 2 Điều 51; Điều 36 của Bộ luật hình sự; xử phạt các bị cáo Nguyễn Thanh T, Võ Đình D mỗi bị cáo mức án từ 06 đến 09 tháng cải tạo không giam giữ và khấu trừ thu nhập theo quy định.

- Về bồi thường thiệt hại: Các bị cáo đã tự nguyện bồi thường xong, đại diện người bị hại không yêu cầu gì thêm nên đề nghị miễn xét.

Các bị cáo không có ý kiến tranh luận về quan điểm luận tội cũng như đề nghị giải quyết vụ án của vị đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố tại phiên tòa.

Lời nói sau cùng của các bị cáo: xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện T, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện T, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về tội danh và Điều luật áp dụng: Tại phiên tòa, các bị cáo thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội như bản cáo trạng đã nêu, lời khai của các bị cáo phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ, thể hiện:

Xuất phát từ việc tranh chấp đất rẫy cũ với ông Nguyễn Văn T nên khoảng 06 giờ ngày 31/7/2017, bị cáo Nguyễn Bá L rủ các bị cáo Nguyễn Thanh T và Võ Đình D cùng nhau đến tại khu rừng bạch đàn tái sinh lần thứ 3 của ông Nguyễn Văn T có tục danh Hóc Lác thuộc thôn 4, xã B, huyện T, tỉnh B cùng sử dụng rựa chặt phát đứt chồi bạch đàn tái sinh có chiều cao từ khoảng 0,5m đến khoảng 2m, mỗi gốc có từ 03 đến 05 chồi, rồi đốt tổng cộng 692 gốc bạch đàn tái sinh của ông Nguyễn Văn T, tại thời điểm hủy hoại có giá trị 7.215.000 đồng (*Bảy triệu hai trăm mười lăm nghìn đồng*). Do vậy, hành vi của các bị cáo Nguyễn Bá L, Nguyễn Thanh T và Võ Đình D đã phạm vào tội “Hủy hoại tài sản” quy định tại Khoản 1 Điều 178 của Bộ luật hình sự như Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện T truy tố là có căn cứ.

[3] Xét tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội của các bị cáo:

Hành vi của các bị cáo Nguyễn Bá L, Nguyễn Thanh T và Võ Đình D là nguy hiểm cho xã hội, không những xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu tài sản của người khác một cách trái pháp luật mà còn gây mất trật tự trị an ở địa phương. Các bị cáo là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự và biết việc xâm phạm tài sản của người khác là vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố ý thực hiện. Các bị cáo đã có hành vi sử dụng rựa chặt phá, đốt 692 gốc bạch đàn tái sinh của ông Nguyễn Văn T trị giá thiệt hại 7.215.000 đồng. Do đó, cần phải xử phạt các bị cáo một mức án tương xứng với tính chất và hành vi phạm tội của từng bị cáo gây ra.

[4] Xét vai trò từng bị cáo trong vụ án: Đây là vụ án đồng phạm giản đơn, trong đó: Bị cáo Nguyễn Bá L là người khởi xướng, rủ các bị cáo Nguyễn Thanh T và Võ Đình D cùng thống nhất sử dụng rựa chặt phá, đốt các chồi cây bạch đàn tái sinh của ông Nguyễn Văn T với mục đích lấy lại đất rẫy cũ để trồng cây keo. Do vậy, cần xử phạt bị cáo L mức hình phạt cao hơn các bị cáo khác là phù hợp.

[5] Xét về nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của các bị cáo: Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo có thái độ khai báo thành khẩn, ăn năn hối cải; các bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; đã tự nguyện bồi thường xong cho người bị hại; bị hại có đơn bãi nại về dân sự và xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, i, s Khoản 1, Khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Hội đồng xét xử xét thấy các bị cáo Nguyễn Bá L, Nguyễn Thanh T và Võ Đình D có nhiều tình tiết giảm nhẹ, có nhân thân tốt, có nơi cư trú rõ ràng nên không cần thiết cách ly các bị cáo ra ngoài xã

hội mà cải tạo tại địa phương cũng đủ tác dụng răn đe, giáo dục.

Bị cáo Nguyễn Bá L khai có thu nhập bình quân mỗi tháng là 6.000.000 đồng; bị cáo Nguyễn Thanh T khai có thu nhập bình quân mỗi tháng là 4.000.000 đồng; bị cáo Võ Đình D khai có thu nhập bình quân mỗi tháng là 2.000.000 đồng nên khấu trừ 10% thu nhập hàng tháng của mỗi bị cáo để sung vào ngân sách Nhà nước.

[6] Về đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T xử phạt bị cáo Nguyễn Bá L từ 09 đến 12 tháng tù là quá nghiêm khắc; Hội đồng xét xử xét thấy: Bị cáo Nguyễn Bá L có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, i, s Khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự; đại diện hợp pháp người bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo là tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại Khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự; bị cáo có nhân thân tốt, có nơi cư trú rõ ràng nên chỉ cần cải tạo giáo dục tại địa phương cũng đủ tác dụng răn đe, giáo dục và cũng thể hiện chính sách khoan hồng của Nhà nước đối với người phạm tội lần đầu. Do vậy, Hội đồng xét xử không chấp nhận đề nghị mức hình phạt tù đối với bị cáo L của vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T giữ quyền công tố tại phiên tòa.

[7] Về bồi thường thiệt hại: Các bị cáo đã tự nguyện bồi thường xong cho người bị hại; đại diện hợp pháp người bị hại không yêu cầu bồi thường gì thêm nên Hội đồng xét xử miễn xét.

[8] Về án phí: Căn cứ Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự; điểm a Khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, các bị cáo Nguyễn Bá L, Nguyễn Thanh T và Võ Đình D, mỗi bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Bá L, Nguyễn Thanh T và Võ Đình D phạm tội “Hủy hoại tài sản”.

* Căn cứ khoản 1 Điều 178; điểm b, i, s Khoản 1, Khoản 2 Điều 51; Điều 36 của Bộ luật hình sự;

1- Xử phạt bị cáo Nguyễn Bá L 18 (*Mười tám*) tháng cải tạo không giam giữ.

Thời hạn chấp hành hình phạt tính từ ngày Ủy ban nhân dân xã B, huyện T, tỉnh B nhận được bản sao bản án và quyết định thi hành hình phạt.

Giao bị cáo Nguyễn Bá L cho Ủy ban nhân dân xã B, huyện T, tỉnh B giám sát, giáo dục trong thời gian cải tạo không giam giữ.

Buộc bị cáo Nguyễn Bá L phải khấu trừ thu nhập hàng tháng 10% của 6.000.000 đồng = 600.000 đồng để sung vào ngân sách Nhà nước. Tổng số tiền bị cáo phải nộp là 600.000 đồng/tháng x 18 tháng = 10.800.000đ (*Mười triệu tám trăm nghìn đồng*).

2- Xử phạt bị cáo Nguyễn Thanh T 12 (*Mười hai*) tháng cải tạo không giam giữ.

Thời hạn chấp hành hình phạt tính từ ngày Ủy ban nhân dân xã B, huyện T, tỉnh B nhận được bản sao bản án và quyết định thi hành hình phạt.

Giao bị cáo Nguyễn Thanh T cho Ủy ban nhân dân xã B, huyện T, tỉnh B giám sát, giáo dục trong thời gian cải tạo không giam giữ.

Buộc bị cáo Nguyễn Thanh T phải khấu trừ thu nhập hàng tháng 10% của 4.000.000 đồng = 400.000 đồng để sung vào ngân sách Nhà nước. Tổng số tiền bị cáo phải nộp là 400.000 đồng/tháng x 12 tháng = 4.800.000đ (*Bốn triệu tám trăm nghìn đồng*).

3- Xử phạt bị cáo Võ Đình D 12 (*Mười hai*) tháng cải tạo không giam giữ.

Thời hạn chấp hành hình phạt tính từ ngày Ủy ban nhân dân xã B, huyện T, tỉnh B nhận được bản sao bản án và quyết định thi hành hình phạt.

Giao bị cáo Võ Đình D cho Ủy ban nhân dân xã B, huyện T, tỉnh B giám sát, giáo dục trong thời gian cải tạo không giam giữ.

Buộc bị cáo Võ Đình D phải khấu trừ thu nhập hàng tháng 10% của 2.000.000 đồng = 200.000 đồng để sung vào ngân sách Nhà nước. Tổng số tiền bị cáo phải nộp là 200.000 đồng/tháng x 12 tháng = 2.400.000đ (*Hai triệu bốn trăm nghìn đồng*).

* Về bồi thường thiệt hại: Đại diện hợp pháp người bị hại không có yêu cầu bồi thường gì thêm nên Hội đồng xét xử miễn xét.

* Về án phí hình sự sơ thẩm: Các bị cáo Nguyễn Bá L, Nguyễn Thanh T và Võ Đình D, mỗi bị cáo phải nộp 200.000đ (*Hai trăm nghìn đồng*).

* Về quyền kháng cáo: Các bị cáo và các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh B;
- VKSND tỉnh B;
- VKSND huyện T;
- Cơ quan CSĐT Công an huyện T;
- Cơ quan THAHS Công an huyện T;
- Chi cục THADS huyện T;
- Bộ phận HSNVCS Công an huyện T;
- Bị cáo; bị hại;
- Đương sự vụ án;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Thị Phương Thảo